

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Vinh

Bà Nguyễn Thị Hương

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Mai Hồng Minh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Văn C - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 93/2024/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, về việc: “*Ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/6/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Thùy L, sinh năm 1988, “Vắng mặt”.

Nơi ĐKKHKT: Số nhà F L, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: 235 – 237 Pirie street, 5000, A, South A.

Người đại diện theo ủy quyền nộp và nhận văn bản: Ông Vũ Trọng B và bà Phan Thị Thu N;

Địa chỉ: Số C Đ, phường T, quận C, Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Mai Đức C1, sinh năm: 1994, “Vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2024, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thùy L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Mai Đức C1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận H, thành phố Hà Nội vào ngày 21/11/2023.

Sau khi kết hôn, chị **L** sang Australia du học, anh **C1** ở Việt Nam để hoàn tất giấy tờ cá nhân để sang Australia cùng chị. Tuy nhiên bắt đầu từ đầu năm 2024 anh **C1** có hành vi ngoại tình với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, và ngày càng trở nên gay gắt, cả hai đã cố gắng nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn và cho nhau thêm cơ hội, tuy nhiên tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được.

Nay chị **L** xét thấy tình cảm giữa chị và anh **C1** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị **L** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **C1**.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung

Về tài sản và công nợ chung: Chị **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, bị đơn anh **Mai Đức C1** trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị **C2 Hoàng Thị Thùy L** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường C, quận H, thành phố Hà Nội**, số đăng ký kết hôn số 49 ngày 21/11/2023.

Sau khi kết hôn, chị **L** sang Australia du học, đến đầu năm 2024 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do khác biệt về lối sống, quan điểm, do vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt, hai bên thường xuyên cãi nhau khiến cuộc sống hôn nhân hết sức nặng nề, và ngày càng trở nên gay gắt, cả hai đã cố gắng nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn và cho nhau thêm cơ hội, tuy nhiên tình cảm vợ chồng vẫn không giải quyết được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh **C1** đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung

Về tài sản và công nợ chung: Anh **C1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện VKS phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự, kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định.

- Về nội dung:

+ *Về hôn nhân*: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **Hoàng Thị Thùy L**, xử cho chị **L** được ly hôn anh **Mai Đức C1**.

+ *Về con*: Công nhận chị **Hoàng Thị Thùy L** và anh **Mai Đức C1** không có con chung.

+ *Về tài sản và công nợ*: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị **Hoàng Thị Thùy L** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị **Hoàng Thị Thùy L** là nguyên đơn đang sinh sống và làm việc tại Australia, bị đơn là anh **Mai Đức C1** hiện đang sinh sống và làm việc tại **huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Do trong vụ án có Nguyên đơn cư trú ở nước ngoài. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về hôn nhân:* Chị **Hoàng Thị Thùy L** và anh **Mai Đức C1** kết hôn với nhau cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình anh chị chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, do có nhiều mâu thuẫn nên chị **L** đã có đơn xin được ly hôn. Bản thân anh **C1** cũng xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên anh đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Xét mâu thuẫn giữa chị **L** và anh **C1** đã đến mức trầm trọng, bản thân anh **C1** cũng công nhận vợ chồng có mâu thuẫn, và đồng ý ly hôn, tuy nhiên do chị **L** sang sinh sống ở Australia, không có mặt nên Tòa án không hòa giải được để công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật HN&GD xử cho chị **L** được ly hôn anh **C1** là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con:* Vợ chồng không có con chung.

[4] *Về tài sản và công nợ chung:* Chị **L** và anh **C1** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, chị **L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 3 Điều 208; khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Chấp nhận khởi kiện của chị **Hoàng Thị Thùy L.**

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị **Hoàng Thị Thùy L** được ly hôn anh **Mai Đức C1**.

- *Về con*: Công nhận chị **Hoàng Thị Thùy L** và anh **Mai Đức C1** không có con chung.

- *Về tài sản và công nợ*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Chị **Hoàng Thị Thùy L** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số ký hiệu BLTU/23, số 0000340 ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị **L** đã nộp đủ án phí.

Anh **Mai Đức C1** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Chị **Hoàng Thị Thùy L** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND P Cửa Nam, Q Hoàn Kiếm, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Tổ HC-TP; - Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa GD & NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Tân